

ban nhân dân với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn lãnh thổ theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Đối với các tổ chức đảng, đoàn thể trong Công ty

Công ty chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua tổ chức cơ sở Đảng tại Công ty.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức đảng, đoàn thể tại Công ty hoạt động.

Các tổ chức đảng, đoàn thể tại Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều lệ này áp dụng cho Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình. Tất cả các đơn vị thuộc Công ty phải tuân thủ Điều lệ này.

Điều 17. Các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ vào Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty để xây dựng Quy chế Tổ chức và hoạt động của đơn vị trình Giám đốc Công ty phê duyệt. Quy chế Tổ chức và hoạt động của đơn vị không được trái với Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 18. Trường hợp cần bổ sung, sửa

đổi Điều lệ, Giám đốc Công ty trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt./.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG

Mai Ái Trực

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 731/2004/QĐ-NHNN ngày 15/6/2004 ban hành Quy chế tạm thời về hoạt động cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước số 01/1997/QH10, Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính;

Xét nhu cầu về hoạt động cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời về hoạt động cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám

đốc (Giám đốc) các Công ty cho thuê tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG

NHÀ NƯỚC

Phó Thống đốc

Trần Minh Tuấn

QUY CHẾ tạm thời về hoạt động cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính

(ban hành kèm theo Quyết định số 731/2004/QĐ-NHNN ngày 15/6/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn hoạt động cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Điều 2. Khái niệm về cho thuê vận hành

Cho thuê vận hành (Cho thuê hoạt động) là hình thức cho thuê tài sản, theo đó Bên thuê sử dụng tài sản cho thuê của Bên cho thuê trong một thời gian nhất định và sẽ trả lại tài sản đó cho Bên cho thuê khi kết thúc thời hạn thuê tài sản. Bên cho thuê giữ quyền sở hữu tài sản cho thuê và nhận tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê.

Điều 3. Tiêu chí xác định giao dịch cho thuê vận hành

Một giao dịch cho thuê được xác định là cho thuê vận hành khi:

3.1. Quyền sở hữu tài sản cho thuê không được chuyển giao cho Bên thuê khi kết thúc hợp đồng cho thuê vận hành (Sau đây gọi tắt là hợp đồng cho thuê).

3.2. Hợp đồng cho thuê không quy định việc thỏa thuận mua tài sản cho thuê giữa Bên cho thuê và Bên thuê.

3.3. Thời hạn thuê chỉ chiếm một phần trong khoảng thời gian hữu dụng của tài sản cho thuê.

3.4. Tổng giá trị tiền thuê chỉ chiếm một phần trong giá trị tài sản cho thuê.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

4.1. *Tiền thuê*: là số tiền Bên thuê thanh toán theo từng kỳ cho Bên cho

thuê được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

4.2. *Tài sản cho thuê*: là các tài sản được phép cho thuê vận hành bao gồm máy móc - thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác.

4.3. *Bên cho thuê*: là các Công ty cho thuê tài chính được phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

4.4. *Bên thuê*: là các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Việt Nam, bao gồm:

a) Doanh nghiệp;

b) Tổ chức khác thuộc đối tượng vay vốn của các Tổ chức tín dụng;

c) Hộ gia đình;

d) Cá nhân.

4.5. *Bên cung ứng*: là các tổ chức, cá nhân cung cấp tài sản cho thuê vận hành cho bên cho thuê;

4.6. *Thời hạn thuê*: là thời gian Bên thuê sử dụng tài sản cho thuê và trả tiền thuê được Bên cho thuê và Bên thuê thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

Điều 5. Cơ quan cho phép hoạt động cho thuê vận hành

Các Công ty cho thuê tài chính được phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam muốn được thực hiện hoạt động cho thuê vận hành phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

*Chương II***HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ
VẬN HÀNH****Mục 1. CHẤP THUẬN CHO THUÊ
VẬN HÀNH**

Điều 6. Các điều kiện để được thực hiện cho thuê vận hành

Các Công ty cho thuê tài chính muốn được thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành cần phải đáp ứng các điều kiện sau:

6.1. Có nhu cầu hoạt động cho thuê vận hành.

6.2. Có thời hạn hoạt động tối thiểu là 2 năm kể từ ngày chính thức khai trương hoạt động.

6.3. Hoạt động kinh doanh có lãi; tỷ lệ nợ quá hạn tại thời điểm cuối quý trước dưới 5%; không vi phạm các quy định về an toàn trong hoạt động.

6.4. Phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động cho thuê vận hành, như: kho bãi, bảo dưỡng đối với tài sản cho thuê.

Điều 7. Hồ sơ xin phép hoạt động cho thuê vận hành

Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc hoạt động cho thuê vận hành của Công ty cho thuê tài chính gồm:

7.1. Văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty hoặc người được ủy quyền đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc hoạt động cho thuê vận hành của Công ty cho thuê tài chính. Đối với trường hợp ủy quyền, cần phải có văn bản ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7.2. Phương án hoạt động cho thuê vận hành, trong đó nêu rõ sự cần thiết, nhu cầu về hoạt động và nghiên cứu thị trường; nội dung hoạt động; kế hoạch hoạt động trong 3 năm đầu.

7.3. Báo cáo tài chính của Công ty cho thuê tài chính trong 2 năm gần nhất kèm theo báo cáo kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập. Các tài liệu này phải là bản chính, trường hợp là các bản sao phải có xác nhận của cơ quan đã cấp bản chính hoặc chứng nhận của Công chứng Nhà nước.

Điều 8. Trình tự và thủ tục chấp thuận hoạt động cho thuê vận hành

Trình tự và thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc hoạt động cho thuê vận hành của Công ty cho thuê tài chính:

8.1. Công ty cho thuê tài chính cổ phần gửi 02 bộ hồ sơ xin hoạt động cho thuê vận hành cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính.

Trong thời gian tối đa 15 ngày làm

việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố xem xét, có ý kiến bằng văn bản về điều kiện, hồ sơ xin hoạt động cho thuê vận hành theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này và gửi cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng) kèm theo 01 bộ hồ sơ của Công ty cho thuê tài chính cổ phần.

8.2. Công ty cho thuê tài chính Nhà nước, Công ty cho thuê tài chính trực thuộc của Tổ chức tín dụng, Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài gửi 02 bộ hồ sơ xin hoạt động cho thuê vận hành cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng).

8.3. Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Công ty cho thuê tài chính nhà nước, Công ty cho thuê tài chính trực thuộc của Tổ chức tín dụng, Công ty cho thuê tài chính liên doanh và Công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài, 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Công ty cho thuê tài chính cổ phần do Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố gửi tới Ngân hàng Nhà nước xem xét và có ý kiến bằng văn bản chấp thuận hay không chấp thuận việc hoạt động cho thuê vận hành của các Công ty nộp đơn. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nói rõ lý do.

Điều 9. Điều kiện để tiến hành hoạt động cho thuê vận hành

9.1. Trước khi thực hiện hoạt động cho thuê vận hành, Công ty cho thuê tài chính phải tiến hành đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh và đăng báo Trung ương, địa phương 3 số liên tiếp bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật hiện hành.

9.2. Công ty cho thuê tài chính phải gửi tới Ngân hàng Nhà nước bản đăng ký của cơ quan đăng ký kinh doanh và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 2. CÁC QUY ĐỊNH CHO THUÊ VẬN HÀNH

Điều 10. Quy định đồng tiền sử dụng trong giao dịch cho thuê vận hành

10.1. Các giao dịch cho thuê vận hành của Công ty cho thuê tài chính được thực hiện bằng Đồng Việt Nam.

10.2. Đối với các giao dịch cho thuê vận hành được thực hiện bằng ngoại tệ, Công ty cho thuê tài chính phải thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối như trong trường hợp giao dịch cho thuê tài chính được thực hiện bằng ngoại tệ.

Điều 11. Các quy định về định kỳ trả tiền thuê, gia hạn trả tiền thuê và chuyển nợ quá hạn trong cho thuê vận hành

Các quy định về định kỳ trả tiền thuê, gia hạn trả tiền thuê và chuyển nợ quá hạn trong cho thuê vận hành được áp dụng như trong giao dịch cho thuê tài chính.

Điều 12. Quy định về hạch toán, kế toán

12.1. Tài sản cho thuê thuộc quyền sở hữu của Bên cho thuê và được phản ánh là một tài sản trong bảng cân đối kế toán của Bên cho thuê.

12.2. Tài sản cho thuê không được coi là tài sản trong bảng cân đối kế toán của Bên thuê.

12.3. Bên cho thuê được quyền trích khấu hao theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính về khấu hao tài sản.

12.4. Số tiền thuê được coi là thu nhập của Bên cho thuê và là chi phí hoạt động của Bên thuê.

12.5. Việc hạch toán, kế toán đối với hoạt động cho thuê vận hành được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 13. Quy định về thuế

Các quy định về thuế đối với hoạt động cho thuê vận hành được thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 14. Quy định về an toàn

14.1. Hoạt động cho thuê vận hành phải đảm bảo các quy định về an toàn tại Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

14.2. Tổng giá trị của tài sản sử dụng cho thuê vận hành đối với 1 khách hàng không được vượt quá 30% vốn tự có của Công ty cho thuê tài chính.

14.3. Tổng giá trị của tài sản sử dụng cho thuê vận hành không được vượt quá 5 lần vốn tự có của Công ty cho thuê tài chính.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 15. Quyền của Bên cho thuê

Bên cho thuê có các quyền sau:

15.1. Yêu cầu Bên thuê cung cấp đầy đủ, kịp thời các báo cáo quý, năm về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và các vấn đề có liên quan đến tài sản cho thuê;

15.2. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng tài sản cho thuê;

15.3. Gắn ký hiệu sở hữu trên tài sản cho thuê;

15.4. Yêu cầu Bên thuê bồi thường mọi thiệt hại phát sinh do Bên thuê vi phạm hợp đồng cho thuê;

15.5. Chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình trong hợp đồng cho thuê cho một Công ty cho thuê tài chính khác được phép hoạt động cho thuê vận hành. Trong trường hợp này, Bên cho thuê phải thông báo bằng văn bản cho Bên thuê trước khi chuyển nhượng;

15.6. Yêu cầu Bên thuê đặt tiền ký cược hoặc có người bảo lãnh bằng tài sản thực hiện hợp đồng cho thuê nếu các bên có thỏa thuận;

15.7. Miễn, giảm, gia hạn trả tiền thuê và bán tài sản cho thuê;

15.8. Thu hồi tài sản, khởi kiện trong trường hợp Bên thuê không trả tiền thuê theo quy định hoặc thường xuyên thanh toán tiền thuê không đúng hạn.

Điều 16. Nghĩa vụ của Bên cho thuê

Bên cho thuê có các nghĩa vụ sau:

16.1. Ký Hợp đồng mua tài sản cho thuê với bên cung ứng;

16.2. Mua, nhập khẩu trực tiếp tài sản cho thuê nếu Bên cho thuê thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Bên thuê;

16.3. Đăng ký quyền sở hữu, làm thủ tục mua bảo hiểm đối với tài sản cho thuê;

16.4. Đảm bảo tài sản cho thuê được bảo dưỡng và sửa chữa trong thời hạn thuê;

16.5. Thực hiện đầy đủ và đúng các

Điều đã cam kết trong hợp đồng cho thuê.

Điều 17. Quyền của Bên thuê

Bên thuê có các quyền sau:

17.1. Lựa chọn, thương lượng và thỏa thuận với bên cho thuê về đặc tính kỹ thuật, chủng loại, giá cả, cách thức và thời hạn giao nhận, lắp đặt và bảo hành tài sản thuê;

17.2. Trực tiếp nhận tài sản cho thuê từ Bên cho thuê hoặc bên đại diện do Bên cho thuê ủy quyền theo thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê;

17.3. Yêu cầu Bên cho thuê bồi thường thiệt hại khi Bên cho thuê vi phạm hợp đồng cho thuê.

Điều 18. Nghĩa vụ của Bên thuê

Bên thuê có các nghĩa vụ sau:

18.1. Chịu trách nhiệm về sự lựa chọn, thương lượng và thỏa thuận nêu tại Điều 17 điểm 1 Quy chế này;

18.2. Sử dụng tài sản cho thuê đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê; không được chuyển quyền sử dụng tài sản cho thuê cho cá nhân, tổ chức khác trong thời gian hợp đồng cho thuê có hiệu lực nếu không được Bên cho thuê đồng ý bằng văn bản;

18.3. Cung cấp đầy đủ các báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh

doanh, tài chính và các vấn đề liên quan đến tài sản cho thuê khi Bên cho thuê yêu cầu; phải đảm bảo tính trung thực và chính xác của các thông tin, số liệu đã cung cấp; tạo điều kiện để Bên cho thuê kiểm tra tài sản cho thuê;

18.4. Trả tiền thuê theo quy định trong hợp đồng cho thuê;

18.5. Hoàn trả lại tài sản thuê cho bên cho thuê sau khi hết hạn hợp đồng;

18.6. Chịu mọi rủi ro về việc mất mát, hư hỏng đối với tài sản cho thuê do lỗi của bên thuê và chịu trách nhiệm về mọi hậu quả mà tài sản cho thuê gây ra đối với tổ chức và cá nhân khác trong quá trình sử dụng tài sản cho thuê;

18.7. Không được tẩy xóa, làm hỏng ký hiệu sở hữu gắn trên tài sản cho thuê;

18.8. Không được dùng tài sản cho thuê để thế chấp, cầm cố hoặc để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào; không được dùng tài sản cho thuê để trả nợ các chủ nợ khác;

18.9. Thực hiện đầy đủ và đúng các Điều đã cam kết trong hợp đồng cho thuê;

18.10. Phải bảo quản tốt tài sản cho thuê, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kỹ thuật sử dụng; có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận mất, hỏng hóc, theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng của tài sản.

Chương IV

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ VẬN HÀNH

Điều 19. Hợp đồng cho thuê

19.1. Hợp đồng cho thuê vận hành là một loại hợp đồng cho thuê tài sản được ký kết giữa Bên cho thuê và Bên thuê về việc cho thuê một hoặc một số tài sản cho thuê theo quy định tại Điều 4 khoản 4.2 của Quy chế này, phù hợp với quyền và nghĩa vụ của các bên. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực kể từ ngày được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

19.2. Hợp đồng cho thuê phải quy định rõ ràng việc xử lý khi hợp đồng cho thuê chấm dứt trước hạn.

19.3. Các bên không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng cho thuê (trừ trường hợp được nêu tại Điều 20 của Quy chế này).

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng cho thuê trước hạn:

20.1. Bên cho thuê có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê trước hạn khi có một trong các trường hợp sau:

a) Bên thuê không trả tiền thuê theo quy định trong hợp đồng cho thuê;

b) Bên thuê vi phạm các điều khoản trong hợp đồng cho thuê;

c) Bên thuê bị phá sản, giải thể;

d) Người bảo lãnh bị phá sản, giải thể và Bên cho thuê không chấp nhận đề nghị chấm dứt bảo lãnh hoặc đề nghị người bảo lãnh khác thay thế của Bên thuê.

20.2. Bên thuê có quyền chấm dứt hợp đồng cho thuê trước hạn khi Bên cho thuê vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Bên cho thuê không giao đúng hạn tài sản cho thuê do lỗi của Bên cho thuê;

b) Bên cho thuê vi phạm hợp đồng cho thuê.

20.3. Hợp đồng cho thuê được chấm dứt trước khi kết thúc thời hạn cho thuê trong trường hợp:

a) Tài sản cho thuê bị mất, hỏng không thể phục hồi sửa chữa.

b) Các bên thỏa thuận và chấm dứt hoạt động cho thuê trước hạn.

20.4. Hợp đồng cho thuê được chấm dứt trước khi kết thúc thời hạn cho thuê trong trường hợp Bên cho thuê chấp nhận để Bên thuê thanh toán toàn bộ tiền thuê trước thời hạn cho thuê ghi tại hợp đồng cho thuê và phải thực hiện việc bàn giao lại tài sản thuê cho Bên cho thuê.

Điều 21. Xử lý hợp đồng cho thuê chấm dứt trước hạn:

21.1. Trong trường hợp Bên thuê vi phạm điểm a, b khoản 20.1 Điều 20:

a) Bên cho thuê có quyền thu hồi tài sản cho thuê và yêu cầu Bên thuê phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền thuê chưa trả theo hợp đồng cho thuê.

b) Bên cho thuê được xử lý tài sản cho thuê bằng việc cho bên khác thuê hoặc chuyển nhượng tài sản cho thuê.

c) Bên thuê có nghĩa vụ tiếp tục hoàn trả số nợ còn phải trả theo hợp đồng cho thuê khi Bên cho thuê chưa chuyển nhượng, hoặc cho bên khác thuê tài sản cho thuê.

21.2. Việc xử lý hợp đồng cho thuê chấm dứt trước hạn trong trường hợp Bên thuê bị phá sản, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản, giải thể.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Công ty cho thuê tài chính: căn cứ vào Quy chế này và các quy định của văn bản pháp luật có liên quan, Công ty cho thuê tài chính ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể nghiệp vụ cho thuê vận hành phù hợp với điều kiện, đặc điểm và Điều lệ của mình.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước:

a) Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố:

- Tiếp nhận hồ sơ xin phép thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính theo đúng trình tự và thủ tục được quy định tại Chương II mục 1 của Quy chế này.

- Phối hợp với các Vụ có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xem xét trình Thống đốc quyết định việc cho phép Công ty cho thuê tài chính được thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành.

b) Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

- Phối hợp và cung cấp cho Vụ Các Ngân hàng về tình hình hoạt động của các Công ty cho thuê tài chính để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định cho phép Công ty cho thuê tài chính thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành.

- Tổ chức thanh tra, giám sát việc thực hiện nghiệp vụ cho thuê vận hành; xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này.

c) Vụ Chính sách tiền tệ:

Quy định chế độ báo cáo định kỳ về hoạt động cho thuê vận hành cho các đơn vị có thẩm quyền thuộc Ngân hàng Nhà nước.

d) Vụ Kế toán - Tài chính: hướng dẫn

hạch toán kế toán nghiệp vụ cho thuê vận hành của các Công ty cho thuê tài chính.

Điều 23. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Phó Thống đốc

Trần Minh Tuấn

*ỦY BAN DÂN SỐ, GIA ĐÌNH
VÀ TRẺ EM*

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em số 04/2004/QĐ-DSGDTE ngày 09/6/2004 về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động báo chí và xuất bản thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN
DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM**

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TW ngày